

Số: 329/BC-UBND

Nhị Chiểu, ngày 09 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng đầu năm; Phương hướng nhiệm vụ quý III/2026

Thực hiện Công văn số 2237/UBND-NVKTGS ngày 27/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ; Quyết định số: 128/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 của UBND phường Nhị Chiểu về việc Ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2026.

UBND phường Nhị Chiểu báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2026; phương hướng nhiệm vụ CCHC quý 3/2026 cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành:

Công tác Cải cách hành chính (CCHC) được UBND, Chủ tịch UBND phường đặc biệt quan tâm chỉ đạo, điều hành thực hiện ngay từ khi mới sáp nhập, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

UBND phường đã ban hành Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 về việc Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 trên địa bàn phường, trong đó xác định đầy đủ, cụ thể 6 nội dung công tác cải cách hành chính;

Xây dựng các kế hoạch khác phục vụ cho công tác điều hành như: Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; kế hoạch tuyên truyền, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Đảng ủy, HĐND -UBND, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng; Kế hoạch nâng cao chỉ số CCHC, chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, chỉ số hiệu quả quản trị, kế hoạch thực hiện kỷ cương, kỷ luật hành chính và văn hóa công sở năm 2026; Kế hoạch số 480/KH-UBND ngày 24/4/2026 về Kế hoạch CCHC nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030;....

Ban hành công văn số 139/UBND-VHXXH ngày 20/01/2026 về thực hiện nhiệm Bộ chỉ số CCHC của UBND phường năm 2026.

Ban hành Thông báo kết luận của đồng chí chủ tịch UBND phường trong lĩnh vực CCHC để rút kinh nghiệm và nâng cao chất lượng CCHC trong năm 2026; Các văn bản chỉ đạo, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ CCHC để đảm bảo các nhiệm vụ được thực hiện đúng quy định, đúng thời gian;

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính:

Chủ tịch UBND phường phân công cán bộ, chuyên viên phụ trách theo dõi việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC theo lĩnh vực phụ trách. Tính từ

10/01/2026 đến 09/6/2026 UBND phường đã và đang thực hiện 27/52 nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch CCHC ban hành kèm theo QĐ số 128/QĐ-UBND ngày 10/01/2026. Các nhiệm vụ còn lại đang triển khai thực hiện theo tiến độ trong năm.

3. Về công tác kiểm tra CCHC: Thực hiện theo kế hoạch cấp trên và Kế hoạch tự kiểm tra CCHC vào tháng 11/2026.

4. Về công tác thông tin tuyên truyền cải cách hành chính:

Ngày 04/02/2026 UBND phường đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2026, trong đó tập trung vào tuyên truyền CCHC, phổ biến quan điểm chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về CCHC góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng các hình thức tuyên truyền như: tuyên truyền tại các hội nghị giao ban, trên hệ thống loa truyền thanh, trên cổng thông tin điện tử, facebook, fanpage....

5. Thực hiện nhiệm vụ được UBND thành phố giao:

- Tổng số nhiệm vụ được giao: 38 nhiệm vụ
- + Số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn: 28 nhiệm vụ
- + Số nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn: 10 nhiệm vụ
- + Số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn: 0 nhiệm vụ

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

a) Công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL: Từ ngày 15/12/2025 đến 09/6/2026: UBND phường không ban hành văn bản QPPL nào

b) Công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL:

- UBND phường ban hành các văn bản:
+ Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 05/01/2026 thực hiện công tác rà soát văn bản QPPL năm;

+ Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 05/01/2026 thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2026;

+ Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 03/02/2026 theo dõi việc thi hành văn bản QPPL trên địa bàn phường năm 2026;

+ Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 28/4/2026 về việc triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL tại phường Nhị Chiểu;

+ Quyết định thành lập Tổ công tác triển khai nhiệm vụ tổng rà soát văn bản QPPL phường Nhị Chiểu.

+ Các văn bản hành chính thông thường được ban hành theo đúng quy định về nội dung, thể thức. Các Nghị quyết của HĐND được ban hành đảm bảo đúng trình tự, theo quy định.

c) Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

- UBND ban hành Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 09/02/2026 thực hiện Nghị quyết số 66/NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới năm 2026;

- Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác quản lý và kiểm tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn phường năm 2026;

- Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 13/02/2026 triển khai thực hiện công tác quản lý, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn phường năm 2026;

- Công văn số 1037/UBND-VP ngày 28/4/2026 về việc triển khai, rà soát văn bản QPPL liên quan lĩnh vực theo dõi thi hành pháp luật trọng tâm, liên ngành năm 2026.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 28/02/2026 của UBND phường về kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2026 trên địa bàn phường.

- Theo ghi nhận trên cơ sở dữ liệu TTHC, tổng số thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương là: 2.210 thủ tục hành chính trong đó:

+ Số thủ tục hành chính cấp tỉnh: 1.775 thủ tục

+ Số thủ tục hành chính cấp xã: 314 thủ tục

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Hành chính công:

- Cơ sở vật chất tại Trung tâm phục vụ hành chính công đảm bảo thực hiện giải quyết thủ tục hành chính như: máy bấm số, màn hình hiển thị, loa gọi số, 6 máy tính dành cho CBCC, 2 máy tính + máy scan dành cho công dân tự số hoá và nộp hồ sơ.

+ Nhân sự: Đảm bảo để thực hiện nhiệm vụ bao gồm 06 biên chế của Trung tâm phục vụ Hành chính công và 03 nhân viên hỗ trợ cán bộ và nhân dân; 01 cán bộ ngành dọc của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất được cử về thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm.

- Thực hiện triển khai số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ.

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận 9.275 hồ sơ (không tính hồ sơ của ngành dọc).

Trong đó: - Số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến 9.275 hồ sơ chiếm tỷ lệ 100 %,

- Số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp 0 hồ sơ.

- Đã giải quyết trả kết quả: 9.275 hồ sơ

Trong đó: - Trả kết quả trước hạn: 9.269 hồ sơ.

- Trả kết quả quá hạn: 0 hồ sơ.

- Hồ sơ đang giải quyết (trong hạn): 0 hồ sơ

- Từ chối hồ sơ: 1 hồ sơ.

- Rút hồ sơ: 5 hồ sơ.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ:

+ Hồ sơ có file thành phần hồ sơ đính kèm: 100 %

+ Hồ sơ có file kết quả đính kèm: 100 %

+ Hồ sơ có file thành phần hồ sơ và file KQ đính kèm: 100 %

- Số hồ sơ phát sinh phí lệ phí: 8.358 hồ sơ. Số tiền thu được: 84.605.000đ
+ Tỷ lệ thanh toán trực tuyến: $8.358/8.358$ hồ sơ = 100 %.
- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh kiến nghị của trung tâm phục vụ hành chính công phường đạt 100%.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước

- Thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đảm bảo thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

- UBND phường ban hành Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 về phê duyệt Đề án thành lập Trạm Y tế phường Nhị Chiểu; Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 về việc thành lập Trạm y tế phường Nhị Chiểu; Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 31/12/2026 về bổ sung chức năng, nhiệm vụ về quản lý dự án, giải phóng mặt bằng, phát triển quỹ đất đối với Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công.

- Xây dựng và thực hiện tốt Quy chế làm việc của UBND phường nhiệm kỳ 2026-2031 (Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 03/4/2026 của UBND phường về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường Nhị Chiểu nhiệm kỳ 2026-2031); Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên địa bàn phường ...

- Thực hiện chính quyền 2 cấp UBND phường đã sử dụng và bố trí các cán bộ, công chức đảm nhiệm các công việc theo đúng quy định, cụ thể như sau:

+ Cán bộ, công chức (Khối Chính quyền): **43** người. Trong đó trình độ đại học, trên đại học: 43/43 người đạt 100%; Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp: **02** người, Trung cấp: **32** người; Sơ cấp: **09** người.

+ Người hoạt động không chuyên trách ở phường (tính đến ngày 01/6/2026): 0 người;

+ Người hoạt động KCT ở Tổ dân phố: 57 người, trong đó: BTCB: 27 người; Tổ trưởng TDP: 24 người (03 đồng chí BTCB kiêm Tổ trưởng TDP; Trưởng Ban CTMT: 06 người (21 đồng chí BTCB kiêm Trưởng ban CTMT).

4. Cải cách chế độ công vụ

- HĐND phường đã ban hành Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 về việc tạm giao biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị thuộc phường Nhị Chiểu năm 2026; UBND phường ban hành các Quyết định: Số 168/QĐ-UBND ngày 25/12/2025, số 168/QĐ-UBND ngày 25/12/2025, số 32/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 về việc tạm giao biên chế, số lượng người làm việc trong cơ quan HĐND-UBND, Ban Chỉ huy quân sự, các đơn vị sự nghiệp ngành giáo dục và đào tạo, Trung tâm phục vụ sự nghiệp công, Trạm Y tế phường Nhị Chiểu năm 2026: **586** biên chế, **42** HĐLĐ. Số lượng cụ thể như sau:

+ Biên chế người làm việc trong cơ quan HĐND-UBND, Ban chỉ huy quân sự: **52** biên chế;

+ Biên chế, HĐLĐ trong các đơn vị sự nghiệp công lập ngành giáo dục và đào tạo: **553** biên chế, **41** HĐLĐ hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

+ Biên chế, HĐLĐ của Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công: 05 biên chế, **01** HĐLĐ;

+ Biên chế đơn vị sự nghiệp Trạm Y tế: **28** biên chế.

- Kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Xây dựng kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 23/12/2025 của UBND phường về việc tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo công lập.

+ Ban hành Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND phường Nhị Chiêu về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập ngành giáo dục và đào tạo, trong đó số thí sinh trúng tuyển là 10 thí sinh.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính-ngân sách.

+ Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo kế hoạch được thành phố giao: Thu ngân sách nhà nước đạt 82% theo kế hoạch giao (trong đó: thu điều tiết ngân sách phường đạt 76% kế hoạch giao).

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm ước đạt 50% kế hoạch vốn giao.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Không có

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Công tác quản lý, sử dụng tài sản công đã dần đi vào nề nếp; Tài sản được sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng. Đồng thời được giám sát, kiểm tra thường xuyên, khi phát sinh hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đều xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật chưa có sai phạm được phát hiện.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: Việc giao quyền tự chủ tài chính đã phát huy được tính sáng tạo của cán bộ, viên chức, người lao động trong các đơn vị. Các đơn vị đã thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo các chế độ chính sách, các quy định tài chính hiện hành và thông qua tại Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động để thống nhất triển khai thực hiện trong năm; sử dụng kinh phí được giao tiết kiệm, hiệu quả góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động, tích lũy để tăng cường cơ sở vật chất, giảm chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, phát huy cao độ tính dân chủ cơ sở, công khai, minh bạch.

6. Xây dựng phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Công tác hiện đại hóa nền hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ KHKT và công nghệ vào hoạt động của cơ quan Nhà nước được UBND phường triển khai và nghiêm túc thực hiện. UBND xây dựng kế hoạch về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Chính quyền Nhà nước, chính quyền số thông tin mạng năm 2026.

- Hiện tại, Trung tâm phục vụ hành chính công được trang bị mạng Internet bằng công nghệ cáp quang (địa chỉ IP tĩnh), hệ thống mạng Lan, thiết bị sóng Wifi; máy vi tính; máy in, máy scan, kiot lấy số tự động, màn hình hiển thị tập

trung, màn hình hiển thị tại quầy, tủ đựng tài liệu; bàn ghế làm việc; ghế ngồi chờ; bàn ghế đầy đủ. Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả qua dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần và toàn trình đạt 100%.

- Tỷ lệ máy tính Cán bộ, công chức sử dụng cho công việc: 43/43=100%.

- Các máy tính cá nhân được cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền (BKAV). Hệ thống Wifi được đặt mật khẩu bảo vệ.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. 100% cán bộ, công chức sử dụng hệ thống quản lý văn bản điều hành. Soạn thảo, xử lý, gửi văn bản hành chính được thực hiện trên hệ thống văn bản điều hành tác nghiệp của Chính quyền giúp giảm thời gian xử lý, tăng tính minh bạch. Hiện nay, 100% văn bản của UBND phường được ký số và xử lý trên môi trường số.

- Trang Thông tin điện tử của phường xuyên cập nhật đầy đủ thông tin đảm bảo công khai, minh bạch, nhất là công khai danh mục, quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC.

- Phối hợp với Sở khoa học và Công nghệ triển khai tập huấn cho 100% cán bộ, công chức về chuyển đổi số, sử dụng thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, bảo vệ bản thân trên môi trường số.

+ Điểm Bưu điện văn hóa có kết nối Internet: 04 điểm

+ Điểm Bưu điện văn hóa và Bưu cục có đại lý Internet: 04 điểm

+ Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính: 11.587/13.632 hộ đạt 85%.

+ Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet: 13.086/13.632 hộ đạt 96%.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn có kết nối Internet băng rộng: đạt 100%.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Mặt tích cực:

- UBND phường đã chú trọng triển khai, thực hiện cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số ngay từ khi thực hiện chính quyền hai cấp góp phần tạo chuyển biến tích cực trong công tác CCHC tại địa phương.

- Cải cách TTHC, giải quyết đơn giản hóa thủ tục hành chính đã rút ngắn 50% thời gian giải quyết TTHC cho nhân dân và tổ chức.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được nâng lên, đặc biệt là trình độ chuyên môn, kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng hành chính; khả năng xử lý, giải quyết công việc ngày một tốt hơn góp phần xây dựng nền hành chính công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, thực tài, làm việc đúng chức danh, năng lực.

- Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công (một phần và toàn trình) cho người dân và doanh nghiệp có nhiều kết quả tích cực, giảm bớt thời gian đi lại của nhân dân.

- Việc thực hiện số hóa hồ sơ (đầu vào, đầu ra) được thực hiện đảm bảo.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành góp phần đẩy mạnh hiện đại hóa hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý của cán bộ.
- Hồ sơ của công dân được giải quyết kịp thời, đúng hạn, giảm thiểu tối đa hồ sơ quá hạn trên hệ thống DVC.
- Việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia theo mức độ 3,4 đạt 100%.

2. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn:

- Đối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các Bộ, ngành, cán bộ phải cập nhật vào Hệ thống từng Bộ để thống kê, tổng hợp, gây khó khăn cho công tác thống kê, báo cáo kiểm soát TTHC.
- Thành phần hồ sơ yêu cầu của thủ tục Cấp giấy phép xây dựng mới đối với nhà ở riêng lẻ bị trùng lặp nhiều mục, gây khó khăn cho người dân khi thao tác nộp hồ sơ trực tuyến.
- Mô hình hệ thống của các Bộ, ngành tập trung giải quyết thủ tục hành chính theo ngành dọc nên chưa có sự đồng bộ, điều phối giữa các hệ thống khác nhau đến đến khó khăn trong công tác kiểm soát, tổng hợp, theo dõi tiến độ, kết quả giải quyết TTHC.
- Cổng dịch vụ công quốc gia của Bộ Tư pháp thường xuyên lỗi dẫn đến việc tiếp nhận giải quyết thủ tục gặp khó khăn (công dân đi lại nhiều, chờ lâu); cập nhật thanh toán lệ phí và phát hành biên lai thường xuyên lỗi, chậm.

- Người dân đi thực hiện TTHC đa số là người cao tuổi, không biết sử dụng công nghệ thông tin, không tự nộp được hồ sơ, dẫn đến cán bộ phải hướng dẫn nhiều lần hoặc phải hỗ trợ hoàn toàn.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 3 THÁNG QUÝ 3/2026

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Chỉ đạo, bám sát kế hoạch Cải cách hành chính, các chỉ tiêu trọng điểm để hoàn thiện các chỉ tiêu theo kế hoạch đặt ra; thực hiện công tác tự kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ do UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố giao;

- Đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Thực hiện nghiêm túc về chế độ báo cáo định kỳ.

2. Cải cách thể chế

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện có hiệu quả, thực chất việc đánh giá tác động của văn bản quy phạm pháp luật.

- Chủ động tự kiểm tra, rà soát, báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

- Tổ chức triển khai thi hành pháp luật, theo dõi và đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại địa phương bằng nhiều hình thức phong phú.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp nhận, giải quyết TTHC trên DVC quốc gia, giảm tối đa hồ sơ giải quyết trễ hẹn; Đẩy mạnh thanh toán trực tuyến trên cổng DVC.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch kỷ luật, kỷ cương hành chính tại UBND phường.

- Rà soát, thống kê và đề xuất phương án đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước. Tiếp tục thực hiện cắt giảm 50% thời gian giải quyết TTHC.

- Áp dụng ứng dụng các công cụ tiên tiến trong giải quyết TTHC như TCVN ISO 9001:2015; đặc biệt là TCVN ISO 37001:2018 trong tăng cường tính minh bạch và chống hối lộ.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tiếp tục rà soát, tham mưu tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại đội ngũ cán bộ, công chức trong phường phù hợp với năng lực chuyên môn từng người.

- Thực hiện tốt việc phân cấp, phân quyền quản lý trên các lĩnh vực theo quy định;

5. Cải cách chế độ công vụ

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, tận tụy, tâm huyết, có đạo đức tốt, thái độ ứng xử tích cực, thân thiện tại Trung tâm phục vụ hành chính công.

- Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.; siết chặt kỷ cương kỷ luật hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan.

- Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo chính để đánh giá, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và gắn với công tác khen thưởng, kỷ luật; Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo quản lý theo quý/lần.

- Thực hiện quản lý hồ sơ cán bộ, công chức trên hệ thống phần mềm quản lý cán bộ, công chức.

6. Cải cách tài chính công

- Tăng cường quản lý điều hành tài chính ngân sách gắn với các ưu tiên phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh - quốc phòng; bố trí ưu tiên các nhiệm vụ cơ bản, thiết yếu, đảm bảo nguồn lực thực hiện chính sách tiền lương; trợ cấp hàng tháng; các chính sách tính theo tiền lương cơ sở; các chế độ chính sách an sinh xã hội. Tiếp tục chủ động thực hiện các quy định hiện hành về tạo nguồn để cải cách tiền lương;

- Chi ngân sách nhà nước theo dự toán, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; Thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quý, năm;

- Tăng cường công tác quản lý quản lý tài sản công trên địa bàn phường;
- Thực hiện các quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản chỉ đạo, quản lý về ứng dụng công nghệ thông tin, chính quyền số; Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại địa phương để phục vụ chuyển đổi số và Đề án 06.

- Có cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin; chính sách hỗ trợ cán bộ làm công nghệ thông tin.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và Trung tâm dữ liệu đảm bảo phục vụ nhu cầu phát triển chính quyền điện tử và đô thị thông minh.

- Tiếp tục triển khai hệ thống nền tảng kết nối tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP), đảm bảo kết nối các hệ thống thông tin dùng chung, hệ thống thông tin chuyên ngành trọng điểm của thành phố, đồng thời kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP);

- Tiếp tục khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư trên địa bàn phường.

- Duy trì hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc của thành phố; Duy trì, phát triển Cổng thông tin điện tử liên thông 02 cấp;

- Tiếp tục triển khai dịch vụ chữ ký số trên nền tảng di động;

- Tiếp tục duy trì hiệu quả, thực chất việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Trên đây là báo cáo tình hình cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng quý 3/2026 của UBND phường Nhị Chiêu báo cáo Sở Nội vụ năm được./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng;
- Thường trực Đảng bộ - HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các phòng ban chuyên môn;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lãnh Duy Tiến

Phụ lục 3

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ (Kèm theo Báo cáo số: 329/BC-UBND ngày 09/6/2025 của Ủy ban nhân dân phường Nhị Chiểu)

Biểu mẫu 1

Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo cải cách hành chính (CCHC) đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	7	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	51,9%	= 27/52*100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	52	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	27	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	= b/a*100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	a	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	b	
4.	Thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	38	
4.1.1.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	28	
4.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.1.3.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
4.2.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	9.500	
4.3.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

**Biểu mẫu 2 Cải
cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản	=a+b	
	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3

Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
1.1.	Tỷ lệ thủ tục hành chính (TTHC) thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	100%	100	
1.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phục thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	2.060	
2.	Kết quả giải quyết TTHC			
2.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	100%	= 9.275/9.275*100	
2.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	9.275	
2.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	9.275	
2.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	100%	= 2/2*100	
2.2.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	2	
2.2.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	2	

Biểu mẫu 4

Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số liệu về biên chế công chức			
1.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	52	
1.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	43	
1.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	01	
1.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.	Số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
2.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	586	
2.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	573	
2.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	

Biểu mẫu 5

Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	4	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	19	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	10	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		=a+b+c+d	
4.1.	Số lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng Ủy ban nhân dân cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6

Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	50,0%	= b/a*100	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	42,809	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	21.406	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	19	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	19	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>0</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>0</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>0</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	19	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
1.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	100%	= b/a*100	
1.1.1.	<i>Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	219	
1.1.2.	<i>Số lượng DVCTT toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	219	
1.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	100%	= b/a*100	
1.2.1.	<i>Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)</i>	<i>Thủ tục</i>	39	
1.2.2.	<i>Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	39	
1.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	100%	= b/a*100	
1.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Thủ tục</i>	752	
1.3.2.	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	752	
1.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	100%	= b/a*100	
1.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Hồ sơ</i>	8.523	
1.4.2.	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần</i>	<i>Hồ sơ</i>	8.523	
1.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	100%	= b/a*100	
1.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	43	
1.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	43	

